

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/KDTM-PT.

Ngày 19/3/2018.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung

Các Thẩm phán:

Ông Y Phi Kbuôr

Bà Lưu Thị Thu Hường

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă – Kiểm sát viên.

Ngày 19/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 27/2017/TLPT-KDTM ngày 20/11/2017, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2017/KDTM-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2018/QĐ-PT ngày 11/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị Mỹ T1 – sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức D – sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Đường L, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh B – sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Tô Tiến D (có mặt).

Địa chỉ: Đường M, phường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn D – sinh năm 1960 (vắng mặt);

Đại diện theo ủy quyền của ông D là bà Nguyễn Thị Thanh B – sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

- Anh Nguyễn Tuấn V; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

- Anh Nguyễn Tuấn P; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

4. Người làm chứng:

+ Bà Hồ Thị T2; địa chỉ: Đường G, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

+ Anh Võ Văn T; địa chỉ: Đường C, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

5. Người kháng cáo: Chị Dương Thị Mỹ T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Dương Thị Mỹ T1 trình bày:**

Tôi và bà Nguyễn Thị Thanh B, có mối quan hệ quen biết và làm ăn mua bán nông sản với nhau, việc mua bán đến đâu trả tiền đến đấy, khi mua bán hai bên không làm giấy tờ gì. Cụ thể đầu năm 2014 tôi có đưa tiền cho bà B đặt cọc mua 20 tấn tiêu qua điện thoại với phương thức đưa tiền trước, không chốt giá, không hẹn ngày giao hàng. Trên cơ sở đó bà B yêu cầu tôi đặt cọc một phần tiền. Ngày 11/02/2014, bà B và con trai là Nguyễn Tuấn V nhận của tôi số tiền 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Sau khi nhận tiền tôi đưa sổ cho bà B viết “B nhận T1 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) có chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Thị Thanh B. Sau đó một thời gian bà B điện thoại cho tôi nói: do giá tiêu cao nên họ không bán nợ nên tôi phải đưa trước ít nhất 2/3 thì mới mua được số lượng 20 tấn. Ngày 21/02/2014, con trai bà B là Nguyễn Tuấn P đến nhà tôi nhận số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Số tiền này anh P cũng ký nhận vào sổ của tôi với nội dung “Ngày 21/02/2014 P con cô B nhận chị T1 200.000.000 đồng. Tổng cộng bà B đã nhận của tôi số tiền là 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Sau hai lần nhận tiền ngày 17/3/2014 bà B có nhắn tin cho tôi báo giá với nội dung là “Co.binh.ban.trang.20.tan.gia...121000” và tôi đồng ý nhắn tin trả lời “Co.binh.ban.trang.20.tan.gia...121000.OK”. Sau một thời gian không thấy bà B giao hàng nên tôi điện thoại yêu cầu giao hàng nhưng bà B

không chịu giao, đến ngày 15/7/2015 tôi đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thanh B, ông Nguyễn D cùng các con là Nguyễn Tuấn V, Nguyễn Tuấn P liên đới trả nợ cho tôi số tiền là 1.400.000.000 đồng tiền gốc, cùng lãi suất theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh B trình bày:**

Chị B thừa nhận có quan hệ mua bán nông sản với chị Dương Thị Mỹ T1, việc mua bán giữa chị và chị T1 được thực hiện qua điện thoại, không lập hợp đồng, không xuất hóa đơn, không ghi vào sổ sách. Cụ thể bên mua đặt hàng, sau khi bên bán giao hàng cho bên mua thì bên mua trả tiền cho bên bán. Đối với mặt hàng Tiêu thì giữa tôi và chị T1 chỉ có quan hệ mua bán một lần vào đầu năm 2014. Qua đó chị T1 gọi điện đặt hàng và tôi đã mua đủ số lượng tiêu, tôi yêu cầu của chị T1 đến kho của tôi để nhận hàng nhưng chị T1 không đến. Do thời điểm đó tiêu rớt giá liên tục nên chị T1 không đến kho của tôi nhận hàng và yêu cầu tôi phải chở hàng ra thành phố B, tôi đồng ý theo yêu cầu và đã cho xe chở tiêu ra thành phố B cho chị T1. Việc mua bán giữa tôi và chị T1 đã lâu tôi không nhớ cụ thể thời gian nhưng là vào khoảng ngày 09/02/2014, tôi cho hai con của tôi là Nguyễn Tuấn V, Nguyễn Tuấn P chở khoảng 07 tấn tiêu từ huyện D ra thành phố B để giao cho chị T1. Do không đủ hàng nên tôi có mua thêm của đại lý M do bà Hồ Thị T2 tên thường gọi là “Bé M”, có địa chỉ tại đường G, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk số lượng 04 tấn tiêu đen. Tổng cộng tôi bán cho chị T1 khoảng 11 tấn tiêu đen. Việc giao hàng cho chị T1 được thực hiện tại kho M. Sau khi giao hàng chị T1 không trả tiền ngay mà hẹn vào ngày hôm sau trả tiền. Đến ngày 11/2/2014, tôi và con trai là Nguyễn Tuấn V ra nhận tiền 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng), tiếp đến ngày 21/02/2014 con tôi là Nguyễn Tuấn P đến nhà chị T1 nhận 200.000.000 đồng. Đối với số tiền chị T1 còn nợ tôi, do khi mua tiêu của chị T2 để bán cho T1 tôi còn nợ chị T2 số tiền 78.000.000 đồng, nên tôi trừ số tiền mà chị T1 còn nợ tôi qua cho chị T2. Số tiền còn lại hai bên đã thanh toán xong không ai còn nợ ai nữa. Nay chị T1 khởi kiện đòi số tiền 1.400.000.000 đồng cùng lãi suất theo quy định của pháp luật thì tôi không đồng ý vì số tiền 1.400.000.000 đồng, chị T1 đưa cho Nguyễn Tuấn V, Nguyễn Tuấn P là số tiền chị T1 trả tiền mua tiêu đen của tôi vào ngày 09/02/2014. Khi giao hàng chị T1 có ký nhận vào sổ của tôi nhưng hiện nay sổ sách không còn nữa vì sau khi thực hiện việc mua bán giữa tôi và chị T1 thì gia đình bị kẻ gian đột nhập vào nhà lấy đi sổ sách giấy tờ liên quan đến việc mua bán giữa tôi và chị T1. Hơn nữa việc mua bán giữa tôi và chị T1 đến ngày khởi kiện đã gần hai năm mà chị T1 không biết và cũng chưa bao giờ đến nhà tôi. Hơn nữa nếu không phải là tiền chị T1 nợ tôi thì với số tiền lớn như vậy chị T1 lại dám đưa cho các con tôi khi không quen biết làm ăn gì với các con tôi hay là vì các con tôi là người đã giao hàng nên chị T1 biết nên mới cho nhận tiền.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn D trình bày:** Việc mua bán giữa vợ tôi là Nguyễn Thị Thanh B và chị Dương Thị Mỹ T1 như thế nào tôi không rõ, nhưng số tiêu mang đi bán vào tháng 02/2014 thì tôi là người trực tiếp cân và đưa lên xe ô tô cho con trai là Nguyễn Tuấn V đem ra thành phố B giao cho chị T1. Sau khi giao hàng thì con tôi gọi điện về nói là chị T1 nói bây giờ trời tối không đi rút tiền được hẹn ngày hôm sau trả tiền. Theo thông lệ mua bán nông sản, các bên thỏa thuận về giá và sau khi giao hàng mới trả tiền, chứ không cho ứng trước. Số tiền vợ tôi nhận của chị T1 là số tiền chị T1 trả tiền mua tiêu trước đó. Việc chị T1 cho rằng số tiền mà vợ tôi đã nhận là số tiền chị T1 đặt cọc cho vợ tôi mua tiêu là hoàn toàn không đúng, bởi vì theo thông lệ nếu ứng tiền thì phải chốt giá tại thời điểm ứng tiền, chốt số lượng và hẹn ngày giao hàng. Hơn nữa chị T1 đưa cho các con tôi số tiền lớn như thế mà không biết nhà cửa, không quen biết các con tôi như thế có phải là tiền nợ mới đưa cho như vậy.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tuấn V trình bày:**

Vào ngày 09/02/2014, mẹ tôi là bà Nguyễn Thị Thanh B yêu cầu tôi cùng anh tôi là anh Nguyễn Tuấn P chở khoảng 07 tấn tiêu từ huyện D ra bán cho một người tên T1 ở thành phố B. Tôi điều khiển xe đến kho nông sản M tại đường G, thành phố B, tại đây tôi thấy xe của chị T1 đã chờ sẵn, tôi và chị T1 cùng đi cân xe tại trạm cân điện tử dịch vụ S trên đường P, thành phố B (nay là đường H), khi cân xe xong tôi cho xe trở lại kho M để sang tiêu cho chị T1. Chị T1 là người trực tiếp kiểm tra và nhận hàng, do không có người bốc xếp nên tôi đã thuê người bốc vác của kho M chuyển tiêu từ xe ô tô của tôi qua xe chị T1. Sau khi bốc hàng xong tôi cùng chị T1 quay lại trạm cân S cân lại vỏ xe của tôi. Sau khi cân xe xong quay lại kho M mua thêm số lượng 3.945,9kg tiêu (vì trước đó mẹ tôi có mua thêm của cô T2 04 tấn để cân cho chị T1 đủ số lượng). Khi giao tiêu xong chị T1 đã ký nhận vào sổ mua bán của mẹ tôi, tôi đã đưa lại sổ cho anh Nguyễn Tuấn P mang về cho mẹ, còn tôi về nhà ở huyện C, còn anh tôi ở lại làm hàng, đo độ, đem tiêu với chị T1. Ngày 11/2/2014, tôi cùng mẹ ra thành phố B đòi tiền thì chị T1 trả 1.200.000.000 đồng, mẹ tôi nhận tiền còn tôi là người đã ký và ghi rõ họ tên của mẹ vào sổ của chị T1.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tuấn P trình bày:**

Việc chở tiêu và giao hàng cho chị T1 tại kho M đúng như em tôi là Nguyễn Tuấn V đã trình bày, sau khi sang tiêu xong cho chị T1, V đi về nhà ở huyện C còn tôi ở lại làm hàng, tôi cùng chị T1 đến nhà cô P ở đường H mượn Lít đo độ, đo đếm tiêu xong tôi mới về. Về giá cả mẹ tôi và chị T1 thỏa thuận. Ngày 21/02/2014, mẹ bảo tôi cầm sổ sang nhà chị T1 để lấy tiền và qua nhà cô T2 trả nợ nhưng chị T1 chỉ đưa cho tôi 200.000.000 đồng rồi tôi cầm tiền về đưa cho mẹ tôi, số tiền chị T1 còn nợ mẹ tôi cần trừ cho cô T2 sang nhà chị T1 lấy nợ.

*** Người làm chứng bà Hồ Thị T2 trình bày:**

Qua sổ theo dõi mua hàng của tôi thì ngày 09/02/2014 tôi có bán cho chị B số lượng tiêu 3.945,9 kg với giá là 129.000đ/kg thành tiền là 509.021.000 đồng. Chị B trả trước 400.000.000 đồng, nợ lại là 109.021.000 đồng. Số lượng tiêu này tôi giao cho Nguyễn Tuấn V là còn chị B nhận. Chị T1 mang xe ô tô đến kho hàng của tôi, sau đó V giao toàn bộ số tiêu mua của tôi cho chị T1, tôi đã cho nhân viên bốc vác của tôi bốc hàng lên xe T1. Việc mua bán giao nhận hàng tôi không yêu cầu các bên ký vào sổ của tôi mà chỉ ghi “Tiêu bán B giao T1”. Số tiền chị B nợ lại tôi 109.000.000 đồng, chị B mang đậu ra bán trừ nợ cho tôi 31.000.000 đồng. Số tiền còn nợ lại 78.000.000 đồng chị B nói với tôi cần nợ qua chỗ chị T1 lấy. Sau đó, tôi đến nhà chị T1 lấy số tiền 78.000.000 đồng và T1 yêu cầu tôi ký tên vào sổ của T1.

*** Người làm chứng anh Võ Văn T trình bày:**

Do thời gian đã lâu tôi không nhớ rõ ngày nhưng vào một buổi tối đầu tháng 02/2014, tôi cùng D và Q là người làm công bốc vác cho kho M đã trực tiếp bốc vác 4000kg tiêu của kho M lên xe chị T1 và bốc khoảng 7000kg tiêu từ xe ô tô của anh V qua xe chị T1. Tổng cộng tiền công bốc vác chúng tôi đã được trả 400.000đồng, ngoài ra tôi không biết gì thêm.

+ Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2017/KDTM-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã quyết định:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 30; Điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147, Điều 160, Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 430, Điều 434 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Mỹ T1 đối với bà Nguyễn Thị Thanh B, ông Nguyễn D, anh Nguyễn Tuấn P và anh Nguyễn Tuấn V có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị số tiền 1.400.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 17/3/2014 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/9/2017 là 1.400.000.000 đồng x 9% x (03 năm 06 tháng 09 ngày) = 444.150.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 26/9/2017 là 1.844.150.000 đồng (Một tỷ tám trăm bốn mươi bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí giám định, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án dân sự của đương sự.

Ngày 06/10/2017, nguyên đơn chị Dương Thị Mỹ T1 nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Dương Thị Mỹ T1 và người đại diện theo ủy quyền anh Nguyễn Đức D vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, đơn kháng cáo.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị Mỹ T1 kiện đòi bà Nguyễn Thị Thanh B, ông Nguyễn D, anh Nguyễn Tuấn P và anh Nguyễn Tuấn vũ có trách nhiệm liên đới trả số tiền 1.400.000.000 đồng cùng lãi suất là có căn cứ. Nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Dương Thị Mỹ T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn chị Dương Thị Mỹ T1 trong hạn luật định và người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Căn cứ lời khai của bà Nguyễn Thị Thanh B, anh Nguyễn Tuấn P và anh Nguyễn Tuấn V, bà Hồ Thị T2 thì có đủ căn cứ xác định giữa bà Dương Thị Mỹ T1 và bà Nguyễn Thị Thanh B có một lần giao dịch mua bán mặt hàng tiêu đen, cụ thể là ngày 09/2/2014 bà B bán cho chị T1 và đã giao hàng cho chị T1 tổng cộng 10.805,5 kg với giá 131.000 đồng/kg và phù hợp với số tiền mà bà B đã nhận 02 lần là 1.400.000.000 đồng. Cụ thể lần 01 do bà B trực tiếp nhận tiền nhưng anh Nguyễn Hữu V ghi ký nhận số tiền 1.200.000.000 đồng vào ngày 11/2/2014. Lần 02 do anh Nguyễn Tuấn P nhận số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 21/2/2014.

Về yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn xét thấy:

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/7/2015 chị T1 cũng thừa nhận vào ngày 02/7/2015 đã làm đơn khởi kiện buộc bà B trả 1.200.000.000 đồng nhận ngày 11/2/2014. Tuy nhiên, sau đó kiểm tra lại thì phát hiện còn khoản nợ 200.000.000 đồng nhận ngày 21/2/2014 nên ngày 12/7/2015 làm đơn khởi kiện bổ sung số tiền 200.000.000 đồng tổng cộng là 1.400.000.000 đồng. Như vậy, cùng một món nợ về tiền ứng mua tiêu (theo nguyên đơn trình bày) vào năm 2014 đến 02/7/2015 mới khởi kiện, nhưng bản thân nguyên đơn chỉ nhớ khoản nợ 1.200.000.000 đồng

chứng tỏ trước khi khởi kiện đã không tiến hành việc đòi nợ do không nhớ hoặc không biết có khoản nợ này còn tồn tại.

Mặt khác nguyên đơn chỉ căn cứ vào nội dung tin nhắn từ số điện thoại của bà B nhưng số điện thoại nhận tin không xác định rõ là của ai và cũng chưa có căn cứ xác định số điện thoại nhận tin là của bà T1. Đồng thời, số tiền giao nhận ngày 11/2/2014 và ngày 21/2/2014 nhưng tin nhắn về mua bán tiêu vào ngày 17/3/2014. Như vậy, là giao nhận tiền trước khi thỏa thuận mua bán là không logic và không có chứng cứ chứng minh các lần nhận tiền với nội dung tin nhắn có liên quan với nhau.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Dương Thị Mỹ T1 phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 BLTTDS.
- Áp dụng: Khoản 1 Điều 30; Điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147, Điều 160, Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng: Điều 430, Điều 434 Bộ luật dân sự.
- Áp dụng: Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của chị Dương Thị Mỹ T1.

Giữ nguyên bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2017/KDTM-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Mỹ T1 về việc buộc bà Nguyễn Thị Thanh B, ông Nguyễn D, anh Nguyễn Tuấn P và anh Nguyễn Tuấn V phải trả 1.400.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi từ ngày 17/3/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Về án phí sơ thẩm: Chị Dương Thị Mỹ T1 phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 67.324.500 đồng, khấu trừ số tiền 27.000.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm chị T1 đã nộp theo biên lai số 19426 ngày 21/7/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Đắk Lắk. Chị T1 còn

phải nộp là 40.324.500 đồng (Bốn mươi triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị Thanh B, ông Nguyễn D, anh Nguyễn Tuấn P và anh Nguyễn Tuấn V không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thanh B phải chịu số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) chi phí giám định chữ ký, bà B đã nộp đủ.

Về án phí phúc thẩm: Chị Dương Thị Mỹ T1 phải chịu 2.000.000 đồng án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003524 ngày 10/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện D;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung